

Quy định tại điều này cũng được áp dụng cho các Ủy ban nhân dân tỉnh đã được phân cấp cấp giấy phép đầu tư trước ngày ban hành Quyết định này.

Điều 7. Bộ Thương mại phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh đã được phân cấp cấp giấy phép đầu tư việc duyệt kế hoạch xuất nhập khẩu đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên hợp doanh, ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, trừ quy định tại Điều 11 Quyết định này.

Điều 8. Hàng quý, 6 tháng và hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp việc cấp giấy phép đầu tư, bổ sung, sửa đổi giấy phép đầu tư và gửi báo cáo tới Văn phòng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 9. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục ủy quyền cho các Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thực hiện việc cấp, điều chỉnh, bổ sung, thu hồi giấy phép đầu tư nước ngoài đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung và thu hồi các giấy phép đầu tư nước ngoài mà Bộ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp theo quy định tại Điều 11 Quyết định này. Quy định này cũng được áp dụng cho 10 Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư ủy quyền. Hạn mức vốn đầu tư và các điều kiện của việc cấp, điều chỉnh, bổ sung, thu hồi giấy phép đầu tư thực hiện theo các quy định trong công văn số 07/KCN ngày 16 tháng 6 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ và quy định tại Điều 6 Quyết định này.

Điều 10. Việc ủy quyền cho các Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh được thực hiện như sau:

Đối với khu công nghiệp, khu chế xuất, căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ trường hợp khu công nghiệp nằm trên địa bàn liên tỉnh) và Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ra quyết định ủy quyền.

Đối với khu công nghệ cao thì căn cứ đề nghị

của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Ban quản lý khu công nghệ cao.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức tập huấn, hướng dẫn Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh và Ban quản lý khu công nghệ cao được ủy quyền thực hiện đúng quy định hiện hành; ban hành các quy định cụ thể về tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm để các Ủy ban nhân dân tỉnh và các Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh chủ động trong việc thẩm định, cấp giấy phép đầu tư.

Điều 11. Trong thời gian Ban quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh chưa được ủy quyền thì Ủy ban nhân dân tỉnh đó đã được phân cấp cấp giấy phép đầu tư nước ngoài thực hiện việc xem xét cấp, điều chỉnh, bổ sung, thu hồi giấy phép đầu tư nước ngoài vào khu công nghiệp, khu chế xuất.

Điều 12. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan khác theo chức năng, nhiệm vụ quy định có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGÔ XUÂN LỘC

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 236/1998/QĐ-TTg ngày 03/12/1998
về các biện pháp cấp bách khắc phục
hậu quả bão, lụt ở các tỉnh miền
Trung.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Đoàn công tác của Chính phủ và đề nghị của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy ban nhân dân các tỉnh bị thiệt hại do các cơn bão số 4, số 5, số 6 gây ra và các Bộ, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp cấp bách sau đây:

- Tổ chức cứu trợ kịp thời cho các gia đình có người chết và bị thương, nhà cửa bị cuốn trôi, sập đổ; cứu đói, chống đói giáp hạt; sửa chữa nhà ở, trạm xá, trường học; tăng cường công tác vệ sinh phòng dịch và bảo đảm điều kiện đi lại của nhân dân và học tập của học sinh.

- Trong tháng 12 năm 1998, khẩn trương khôi phục và phát triển sản xuất, tập trung khôi phục các cơ sở hạ tầng thiết yếu về giao thông, thủy lợi; tạo mọi điều kiện cần thiết về vốn, giống, vật tư nông nghiệp... để khi nước rút nhân dân có thể tiến hành làm vụ Đông Xuân được ngay; chăm sóc phục hồi các loại cây trồng, đàn gia súc, gia cầm... phấn đấu để vụ Đông Xuân 1998 - 1999 đạt kết quả cao nhất.

Các Bộ, ngành Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm rà soát tình hình thiệt hại của ngành mình ở địa phương để có giải pháp khắc phục; chủ động điều chỉnh kế hoạch, sử dụng ngân sách của Bộ, ngành để giúp các tỉnh tập trung giải quyết các nhu cầu cấp bách thuộc lĩnh vực Bộ, ngành mình phụ trách.

Điều 2. Ngân sách Trung ương dành 125 tỷ đồng để giải quyết các việc cấp bách sau:

1. Dành 28 tỷ đồng để cứu trợ xã hội, gồm: mai táng cho người chết, trợ cấp cho người bị thương nặng, trợ cấp cho hộ có nhà bị đổ, trôi, các hộ nghèo có nhà bị hư hại nặng, trợ cấp cứu đói cho các gia đình nghèo không còn lương thực và bị thiệt hại nặng, sửa chữa bệnh viện, trạm y tế, trường học, xử lý nước sạch... và được phân bổ cho các tỉnh như sau:

- Quảng Bình:	1,0 tỷ đồng
- Quảng Trị:	2,0 tỷ đồng
- Thừa Thiên - Huế:	3,0 tỷ đồng
- Thành phố Đà Nẵng:	3,5 tỷ đồng
- Quảng Nam:	6,5 tỷ đồng
- Quảng Ngãi:	3,0 tỷ đồng
- Bình Định:	3,0 tỷ đồng
- Phú Yên:	1,5 tỷ đồng
- Khánh Hòa:	1,5 tỷ đồng
- Ninh Thuận:	1,0 tỷ đồng
- Bình Thuận:	1,0 tỷ đồng
- Đắk Lắk:	1,0 tỷ đồng

Bộ Tài chính thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các địa phương sử dụng khoản kinh phí trên đây.

2. Dành 50 tỷ đồng để khôi phục các công trình giao thông, trong đó 20 tỷ đồng cấp cho Bộ Giao thông vận tải để sửa chữa, khôi phục các quốc lộ, cầu đường sắt, các cầu đường bộ trên các quốc lộ; 30 tỷ đồng cấp cho Ủy ban nhân dân các tỉnh để sửa chữa các công trình giao thông bị hư hại trên địa bàn.

Căn cứ vào mức độ thiệt hại của các công trình, Bộ Tài chính thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Giao thông vận tải phân bổ cụ thể cho các địa phương và hướng dẫn các tỉnh sử dụng khoản kinh phí này theo đúng các quy định hiện hành.

3. Dành 18 tỷ đồng để khôi phục, sửa chữa hệ thống đê điều (kể cả đê sông, đê biển); 29 tỷ đồng để khôi phục, sửa chữa các công trình thủy lợi cấp bách, nhanh chóng khôi phục sản xuất, trước hết là vụ Đông Xuân 1998 - 1999.

Trên cơ sở thiệt hại thực tế của từng địa phương và từng công trình, Bộ Tài chính thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ cụ thể các khoản kinh phí này cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương.

Điều 3. Nhà nước dành 400 tỷ đồng để cho nhân dân vay khôi phục và phát triển sản xuất, bao gồm: sửa chữa, đóng mới tàu thuyền đánh cá

và mua sắm ngư lưới cụ do bị bão gây thiệt hại; khôi phục các ao, đầm nuôi trồng thủy sản và khôi phục các ruộng muối bị hư hỏng sau cơn bão.

Lãi suất cho vay là 0,5%/ tháng đối với vốn vay ngắn hạn (thời hạn hoàn trả dưới 12 tháng) và 0,6%/ tháng đối với vốn vay trung hạn (thời hạn hoàn trả dưới 5 năm).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản làm việc cụ thể với các tỉnh, căn cứ vào tình hình thiệt hại và nhu cầu thực tế để phân bổ chỉ tiêu cho các địa phương. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các ngân hàng thương mại, căn cứ vào ý kiến xét duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh làm thủ tục cho vay nhanh, thuận tiện.

Điều 4. Trách nhiệm của các Bộ, ngành:

1. Ngoài số vốn dành cho giao thông và thủy lợi nêu tại khoản 2 và 3 của Điều 2, giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì bàn với Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét cụ thể yêu cầu khôi phục các công trình giao thông và các công trình thủy lợi của các tỉnh, báo cáo đề xuất với Thủ tướng Chính phủ quyết định việc tạm ứng trước vốn đầu tư xây dựng cơ bản của kế hoạch năm 1999 cho các yêu cầu này.

2. Bộ Y tế chỉ đạo các địa phương tổ chức tốt việc phòng chống dịch bệnh và vệ sinh môi trường; bảo đảm đủ cơ sở thuốc, dụng cụ y tế, hỗ trợ hóa chất để xử lý nước sạch; huy động lực lượng cán bộ ở Trung ương và các địa phương để phục vụ công tác phòng chữa bệnh và dập tắt dịch bệnh, tổ chức chu đáo việc cấp cứu và chữa bệnh cho nhân dân.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các địa phương khẩn trương sửa chữa trường học để ổn định việc học tập của học sinh.

4. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tiếp tục phát huy thành tích trong công tác chống bão lụt, tìm kiếm cứu nạn và giúp dân vừa qua, tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự xã hội và tổ

chức giúp dân khôi phục, sửa chữa nhà ở, các công trình phúc lợi xã hội, vệ sinh môi trường trong vùng.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sử dụng các quỹ dự phòng về giống, thuốc thú y cho sản xuất và hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về giống, phân bón, vật tư nông nghiệp thiết yếu cho vụ Đông Xuân.

6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các ngân hàng thương mại xem xét cho các gia đình bị thiệt hại nặng được hoãn trả nợ và tiếp tục được vay mới để khôi phục sản xuất.

Điều 5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố:

- Động viên nhân dân và các nguồn lực của địa phương khẩn trương ổn định đời sống nhân dân, khôi phục và phát triển sản xuất.

- Xem xét, quyết định việc miễn, giảm thuế nông nghiệp đối với nhân dân vùng bị thiệt hại theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng của tỉnh tăng cường công tác quản lý thị trường, chống đầu cơ nâng giá các mặt hàng như lương thực, thực phẩm, giống, phân bón, vật liệu xây dựng...

- Tổ chức quản lý chặt chẽ công tác tiếp nhận cứu trợ từ các nguồn (trong và ngoài nước), báo cáo với Hội đồng nhân dân và thông báo công khai việc sử dụng để nhân dân biết, kiểm tra, giám sát (cả về đối tượng, mức trợ giúp, tổng số tiền, hàng...). Sử dụng các nguồn kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát, tiêu cực.

Điều 6. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì tổ chức cuộc vận động nhân dân, các tổ chức, đoàn thể trong cả nước giúp đỡ các tỉnh bị thiên tai. Phương thức tổ chức tiếp nhận và chuyển giao tiền, hàng cứu trợ cho các địa phương thực hiện như phương thức đã áp dụng trong cơn bão số 5 năm 1997. Để tạo điều kiện cho các địa phương sử dụng sự trợ giúp của nhân dân, các tổ chức, đoàn thể trong cả nước được hiệu quả,

khuyến khích việc giúp đỡ bằng tiền và rất hạn chế việc tổ chức các đoàn trực tiếp đến các địa phương thăm hỏi để tránh tốn kém, lãng phí.

Điều 7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố miền Trung và các Bộ, ngành có liên quan cần nghiên cứu, khảo sát, đánh giá, rút kinh nghiệm đợt bão lụt này để có giải pháp cụ thể trong vấn đề quy hoạch dân cư, xây dựng nhà ở, trường học, trạm xá và các công trình cơ sở hạ tầng như giao thông, thủy lợi cho phù hợp với đặc điểm địa hình và bão lụt trong khu vực, nhằm hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất do bão, lụt gây ra.

Điều 8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các Bộ, ngành tiến hành bình xét các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống và khắc phục hậu quả các cơn bão, lụt vừa qua để biểu dương, khen thưởng kịp thời.

Điều 9. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 237/1998/QĐ-TTg ngày 03/12/1998 phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2737-TT/BNN.CBNLS ngày 14 tháng 7 năm 1998;

Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 6412-BKH/VPTĐ ngày 17 tháng 9 năm 1998 và ý kiến các Bộ, ngành liên quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu Chương trình:

a) Đến năm 2000: nâng tỷ lệ người được sử dụng nước sạch lên khoảng 45%, cải thiện vệ sinh môi trường, ưu tiên vùng biên giới, hải đảo, dân tộc ít người và các vùng nông thôn khó khăn khác.

b) Đến năm 2005: khoảng 80% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch; 50% hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh; xử lý chất thải ở 30% chuồng trại chăn nuôi và 10% số làng nghề.

c) Góp phần chống cạn kiệt, chống ô nhiễm và bảo vệ chất lượng nguồn nước.

2. Cơ quan chủ trì thực hiện chương trình: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 1998 đến năm 2005.

4. Vốn đầu tư và nguồn vốn:

a) Tổng kinh phí dự kiến: 16.339 tỷ VNĐ.

Đây là số định hướng. Căn cứ khả năng ngân sách của Nhà nước, hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần xây dựng các dự án cụ thể, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

b) Cơ cấu vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách (bao gồm cả vốn ODA).

- Các nguồn vốn khác: vốn huy động trong dân, vốn của các thành phần kinh tế khác, vốn từ lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia khác trên địa bàn.